TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thu Hồng (Giáo viên)
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 25/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 13/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Hồ Phát Đ (C), sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số D, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn L, sinh năm 1951, (đã chết) và bà Ngô Thị L1, sinh năm: 1955; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 05 tiền án.

- Ngày 16/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án số 80/2009/HSST, chấp hành xong ngày 28/9/2011).

- Ngày 10/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù (Bản án số 02/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2015, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 406.250 đồng và nộp tiền sung công quỹ Nhà nước 3.800.000 đồng).

- Ngày 28/8/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án số 46/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/11/2016, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng).

- Ngày 08/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án số 15/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/04/2020, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng).

- Ngày 17/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án số 78/2020/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/12/2022, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 315.000 đồng).

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 24/8/2007, bị Công an Thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

- Ngày 13/12/2011 bị Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Quyết định số 08/QĐ-XPHC).

- Ngày 13/12/2011 bị Công an phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 30/QĐ-XPHC).

- Ngày 14/02/2012 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 06 tháng từ 14/02/2012 đến 14/8/2012 (Quyết định số 75/QĐ-UBND).

- Ngày 25/04/2012 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng, (Quyết định số 346/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 06/09/2012).

- Ngày 20/01/2015 bị Công an thành phố B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định 04/QĐ-XPHC).

- Ngày 26/6/2017 bị Công an phường P, thành phố B quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định 52/QĐ-XPHC).

- Ngày 20/5/2020 bị Công an phường P, thành phố B quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định 14/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Hoài B, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số H, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H; sinh năm 1962 và bà Lê Thị Thùy T; sinh năm: 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 10/03/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường thời hạn 03 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 06/QĐ-UBND).

- Ngày 04/07/2017 bị Công an P2, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 900.000 đồng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 71/QĐ-XPHC).

- Ngày 29/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, (Quyết định số 51/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 31/08/2018).

- Ngày 10/06/2019 bị Công an P2, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 10/QĐ-XPHC).

- Ngày 03/9/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường thời hạn 03 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 10/QĐ-UBND).

- Ngày 19/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ra áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 17 tháng, (Quyết định số 40/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 18/12/2020).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Hoàng Thị H1, sinh năm 1963; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Trần Mai N, sinh ngày 23/02/2004; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số G, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi ở hiện nay: số C, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Trịnh Phương P, sinh ngày 02/01/2006; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại P: Trịnh Hoài Đ1, sinh năm 1973; Phan Ngọc Cẩm H2, sinh năm 1974; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (ông Đ1 ủy quyền cho bà H2 theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024). Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Dương Bích V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt

4. Phạm Minh D, sinh ngày 25/10/2006; nơi cư trú: số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại D: Phạm Minh T1, sinh năm 1978; Lê Thị Kim N1, sinh năm 1978; nơi cư trú: số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (bà N1 ủy quyền cho ông T1 theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024). Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Trần Thị Cẩm T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Vắng mặt

5. Nguyễn Ngọc Quỳnh H3, sinh ngày 01/11/2008; nơi cư trú: số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại H3: Trần Hoài T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm 1989; nơi cư trú: số H, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (ông T3 ủy quyền cho bà V1 theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2024). Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại H3: Ông Lê Huỳnh Nhựt T4 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Có mặt

6. Lê Hồng V2, sinh năm 1980; nơi cư trú: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Diệp Duy L2, sinh năm 1997; nơi cư trú: số G,ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Lê Thị Thùy T, sinh năm 1964; nơi cư trú: khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Cao Quốc V3, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Thị Thanh V4, sinh năm 1992; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn H4, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1983; nơi cư trú: số A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Nguyễn Thành H5, sinh năm 1978; nơi cư trú: số B, khu phố C, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Huỳnh Thị Trúc L3, sinh năm 1977; nơi cư trú: số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

5. Nguyễn Thị L4, sin năm 1961; nơi cư trú: số C, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/7/2023 đến ngày 19/9/2023, trên địa bàn thành phố B, Hồ Phát Đ đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 21 giờ ngày 28/07/2023, Hồ Phát Đ đi bộ trên đường C về hướng đường N để tìm tài sản lấy trộm. Đến nhà trọ G ở số D, khu phố F, phường P, thành phố B thấy 01 xe đạp điện màu xám đen của chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1963, ĐKTT: Tổ nhân dân tự quản số 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh dựng trước cửa phòng trọ số 13 không có người trông coi. Đ lấy trộm xe đạp điện rồi chạy xe về tiệm game bắn cá ở Phường E, thành phố B. Đ bán xe đạp điện trên cho Diệp Duy L5, sinh năm 1997, ĐKTT: số G, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre với giá 1.300.000 đồng nhưng L5 chỉ đưa cho Đ 800.000 đồng do trước đó Đ còn thiếu tiền L5 500.000 đồng, tiền bán xe được Đ tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1013/KL-HĐĐG ngày 05/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận tài sản (dựa trên hồ sơ Cơ quan điều tra cung cấp) bị mất ngày 28/07/2023: 01 xe đạp điện không rõ nhãn hiệu, màu xám - đen. Trị giá tài sản là: 4.000.000 đồng.

Sau khi có kết quả định giá, Cơ quan điều tra đã thu giữ được tài sản do anh Diệp Duy L5 giao nộp: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen (do Diệp Duy L5 thay đổi màu sơn), bánh xe sau bị kẹt, số khung: Asama AM150802924, số mô tơ: 22AMK4A1508002042.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 13/09/2023, Hồ Phát Đ đi bộ đến khu vực gần Nhà tang lễ ở khu phố M, phường G, thành phố B để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà trọ tháng 343E, ở số C, khu phố M, phường G, thành phố B thấy 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đỏ, vỏ bình dán decal màu vàng, trong rổ xe có để 01 áo mưa màu nâu của Nguyễn Trần Mai N, sinh ngày 23/02/2004, ĐKTT: số 71, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, dựng trước cửa phòng trọ số 08 của nhà trọ tháng 343E không có người trông coi. Đ lén lút vào lấy trộm xe đạp điện rồi chạy xe về tiệm game bắn cá C, ở số C, khu phố A, phường E, thành phố B, Đ bán cho người nam thanh niên không quen biết (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) chơi game tại đây với giá 800.000 đồng. Tiền có được từ việc bán xe Đ ăn uống và tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được xe đạp điện nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1006/KL-HĐĐG ngày 03/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận tài sản bị mất ngày 13/09/2023 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đỏ, vỏ bình xe dán decal màu vàng. Trị giá tài sản là: 7.000.000 đồng; 01 áo mưa màu nâu.Trị giá tài sản là: 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.010.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ, ngày 14/09/2023, Hồ Phát Đ đi bộ đến khu vực phường E, thành phố B để tìm tài sản để lấy trộm. Khi ngang nhà số C, khu phố C, Phường E, thành phố B của chị Trần Thị Kim C thấy 01 xe đạp điện hiệu Hitasa màu trắng – đen, trong rổ xe có để 01 áo mưa của em Trịnh Phương P; sinh ngày 02/01/2006, ĐKTT: số A, ấp A, xã M, thành phố B dựng trong sân nhà không có người trông coi. Đ lén lút vào lấy trộm xe đạp điện rồi chạy xe về tiệm game bắn cá C, địa chỉ: số C, khu phố A, Phường E, thành phố B, Đ bán cho người nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) chơi game tại đây với giá 800.000 đồng. Tiền có được từ việc bán xe Đ ăn uống và tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được xe đạp điện nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1010/KL-HĐĐG ngày 04/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận tài sản bị mất ngày 14/09/2023: 01 xe đạp điện hiệu Hitasa màu trắng – đen. Trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng. 01 áo mưa màu xanh. Trị giá tài sản là: 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.050.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 16/9/2023, Đ đi bộ từ nhà ở khu phố E, phường P, thành phố B đến đường C để tìm tài sản lấy trộm. Khi Đ đến khu vực trước phòng tập Gym B ở số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Đ thấy 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu xanh dương, có gắn rổ bằng kim loại, không có dây xích (sên), không có chân chống đứng, trong rổ xe có 01 nón bảo hiểm ghi chữ nón S, màu xanh dương và 01 đôi giày bata ghi chữ Thượng Đình của em Phạm Minh D, sinh ngày 25/10/2006, ĐKTT: số 123, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, dựng trên lề đường không có người trông coi. Đ lén lút vào lấy trộm xe đạp điện rồi chạy xe về tiệm game bắn cá C ở phường E, thành phố B, Đ bán cho người nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 800.000 đồng, tiền có được từ việc bán xe Đ ăn uống và tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 923/KL-HĐĐG ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận tài sản bị mất ngày 16/9/2023: 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu xanh dương, có gắn rổ bằng kim loại, không có dây xích (sên), không có chân chống đứng trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng; 01 nón bảo hiểm ghi chữ nón S, màu xanh dương trị giá là: 150.000 đồng; 01 đôi giày bata ghi chữ Thượng Đình, màu trắng sọc đỏ trị giá là: 80.000 đồng.Tổng giá trị tài sản là 5.230.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 19/9/2023, Hồ Phát Đ đi bộ đến khu vực phường F, thành phố B để tìm tài sản để lấy trộm. Khi ngang khu vực trước tiệm S1, ở số B, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Đ thấy 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp màu đen, trong rổ có 01 nón bảo hiểm hiệu nón S, màu trắng của em Nguyễn Ngọc Quỳnh H3, sinh ngày: 01/11/2008, ĐKTT: số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre dựng trên lề đường không có người trông coi. Xe này H3 mượn của dì ruột là chị Nguyễn Thị Thanh V4, sinh năm 1992, ĐKTT: số A, Khu phố B, phường P, thành phố B. Đ lén lút vào lấy trộm xe đạp điện rồi chạy xe đến gửi tại bãi giữ xe Bệnh viện N2, Bến Tre. Sau đó, Đ

làm chìa khóa và sửa xe hết 200.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, Đ gặp bạn tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ), Q nghi ngờ Đ trộm xe của chị V4 là người quen của Q nên Q yêu cầu Đ trả lại xe đạp điện cho chị V4, Đ đồng ý giao xe cho Q. Sau đó, Q đem xe đến giao cho Nguyễn Thị Thanh V4. Chị V4 đưa cho Q 200.000 đồng để đưa cho Đ tiền sửa xe.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp ở phía trước, số sườn: HL68520, số mô tơ: HT48V200WA213643 (do Nguyễn Thị Thanh V4 giao nộp). Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng, do Hồ Phát Đ giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 928/KL-HĐĐG ngày 07/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận tài sản bị mất ngày 19/9/2023: 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp màu đen trị giá là: 6.360.000 đồng; 01 nón bảo hiểm hiệu nón S, màu trắng trị giá là: 225.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 6.585.000 đồng.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên ra, Hồ Phát Đ còn cùng Nguyễn Hoài B thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện C, tỉnh Bến Tre, cụ thể: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 16/08/2023, Hồ Phát Đ đến khu vực Bệnh viện N2, Bến Tre gặp Nguyễn Hoài B. Đ rủ B đi "xào chẻ", (tức tìm tài sản của người khác để lấy trộm) bán lấy tiền mua ma túy sử dụng chung thì B đồng ý. B điều khiển xe mô tô biển số 71C4-273.68 chở Đ đến khu vực huyện C, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai chạy đến tiệm tạp hóa "A V5" ở ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh Lê Hồng V2, sinh năm 1980, ĐKTT: số 285/1, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, làm chủ thì Đ kêu B dừng xe mua thuốc hút. Khi vào tiệm không thấy người trông coi nên Đ lén lút lấy trộm 54 thẻ card điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng để trong tủ kính phía trước tiệm. Sau đó Đ lên xe kêu B chạy đi, đi được 1 đoạn khoảng 50 mét Đ nói với B "mới lấy được nhiều card điện thoại lắm", sau đó kêu B chạy về nhà thuốc tây P của chị Nguyễn Thị Kim L6, sinh năm 1961, ĐKTT: số C, Khu phố E, phường P, thành phố B, gần nhà Đ để bán nhưng chị L6 không mua. Sau đó, Đ và B bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng/ thẻ, gồm: 18 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 09 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, 08 thẻ điện thoại nhà mạng V6; 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng/ thẻ, gồm: 07 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 01 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, 03 thẻ điện thoại nhà mạng V6; 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng/ thẻ, gồm: 05 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 03 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đen xanh, biển số 71C4-273.68, số khung: RLHJA3823GY044420, số máy: JA38E0143324. (do Hồ Phát Đ và Nguyễn Hoài B giao nộp).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 1112/KL-HĐĐG ngày 31/07/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 35

thẻ điện thoại mệnh giá 20.000 đồng (18 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 09 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, 08 thẻ điện thoại nhà mạng Vinaphone) trị giá ngày 18/6/2023: 700.000 đồng; 11 thẻ điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (07 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 01 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, 03 thẻ điện thoại nhà mạng Vinaphone) trị giá ngày 18/6/2023: 550.000 đồng; 08 thẻ điện thoại mệnh giá 100.000 đồng (05 thẻ điện thoại nhà mạng Mobiphone, 03 thẻ điện thoại nhà mạng V8) trị giá ngày 18/6/2023: 800.000 đồng. Tổng giá trị thẻ nạp điện thoại trên trị giá vào ngày 16/08/2023 là 2.050.000 đồng.

Quá trình điều tra, Hồ Phát Đ và Nguyễn Hoài B đã khai nhận phù hợp với nhau hành vi phạm tội của các bị can, lời khai của các bị cáo phù hợp với Kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen cho chị Hoàng Thị H1, 01 (một) xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp ở phía trước, cho Nguyễn Thị Thanh V4.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại 54 thẻ điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng cho anh Lê Hồng V2.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Hoàng Thị H1 đã nhận lại 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Diệp Duy L5 yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ trả lại số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra mua xe đạp điện sau đó bị Công an thu hồi.

Bị hại Nguyễn Trần Mai N yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại N không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Trịnh Phương P yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại P không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Phạm Minh D yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại D không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Nguyễn Ngọc Quỳnh H3 không yêu cầu bồi thường 01 nón bảo hiểm bị mất không thu hồi được. Nguyễn Thị Thanh V4 không yêu cầu Đ trả lại số tiền 200.000 đồng đã cho Đ để sửa xe. Bị hại H3 và người đại diện Nguyễn Thị Hồng V1 (mẹ của H3) xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị hại Lê Hồng V2 đã nhận lại 54 thẻ điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo Hồ Phát Đ đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Trần Mai N số tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Trịnh Phương P số tiền 5.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Phạm Minh D số tiền 5.000.000 đồng, bồi thường cho người liên quan Diệp Duy L5 số tiền 800.000 đồng. Bị cáo Đ tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Số tiền còn lại bị cáo Đ đồng ý bồi thường nhưng chưa có tiền bồi thường.

Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đen xanh, biển số 71C4-273.68 là phương tiện bị can Nguyễn Hoài B chở Hồ Phát Đ đi trộm cắp tài sản. Xe này do Cao Quốc V3, địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, đứng tên trên giấy đăng ký xe. Bà Lê Thị Thùy T mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục tạm giữ, xử lý theo quy định.

Tại cáo trạng số 31/CT-VKSTPBT ngày 29/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo: Hồ Phát Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hoài B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hồ Phát Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B từ 06 đến 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen cho chị Hoàng Thị H1, 01 (một) xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp ở phía trước, cho Nguyễn Thị Thanh V4.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại 54 thẻ điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng cho anh Lê Hồng V2.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Hoàng Thị H1 đã nhận lại 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Diệp Duy L5 yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ trả lại số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra mua xe đạp điện sau đó bị Công an thu hồi.

Bị hại Nguyễn Trần Mai N yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại N không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Trịnh Phương P yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại P không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Phạm Minh D yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại D không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Nguyễn Ngọc Quỳnh H3 không yêu cầu bồi thường 01 nón bảo hiểm bị mất không thu hồi được. Nguyễn Thị Thanh V4 không yêu cầu Đ trả lại số tiền 200.000 đồng đã cho Đ để sửa xe. Bị hại H3 và người đại diện Nguyễn Thị Hồng V1 (mẹ của H3) xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị hại Lê Hồng V2 đã nhận lại 54 thẻ điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo Hồ Phát Đ đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Trần Mai N số tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Trịnh Phương P số tiền 5.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Phạm Minh D số tiền 5.000.000 đồng, bồi thường cho người liên quan Diệp Duy L5 số tiền 800.000 đồng. Bị cáo Đ tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Số tiền còn lại bị cáo Đ đồng ý bồi thường nhưng chưa có tiền bồi thường.

Giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đen xanh, biển số 71C4-273.68 cho bà Lê Thị Thùy T.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đồng ý theo yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Nguyễn Trần Ngọc M trình bày: việc chị bị mất trộm tài sản như cáo trạng đã nêu. Tài sản bị mất trộm của chị không thu hồi được. Chị yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị tại sản theo giá trị định giá cho chị số tiền 7.000.000 đồng. Các tài sản khác, bị hại N không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường. Về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trịnh Phương P, Luật sư Dương Bích V trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng mà V7 kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo Đ bồi thường cho bị hại P số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại P không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Minh D, Luật sư Trần Thị Cẩm T2 vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo Đ bồi thường cho bị hại D số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt

do tài sản không thu hồi được. Các tài sản khác, bị hại D không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Ngọc Huỳnh H6, ông Lê Huỳnh Nhựt T4: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự bị hại H6 không yêu cầu bồi thường 01 nón bảo hiểm bị mất không thu hồi được. Xe đạp bị mất trộm bà V1 đã nhận lại nên bị hại H6 không có yêu cầu bồi thường nào khác. Về trách nhiệm hình sự bị hại H6 có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Từ ngày 28/7/2023 đến ngày 19/9/2023, trên địa bàn thành phố B, Hồ Phát Đ một mình trộm cắp tài sản của 05 bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.875.000 đồng, cụ thể:

Chiếm đoạt của bị hại Hoàng Thị H1 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu xám – đen, trị giá 4.000.000 đồng.

Chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Trần Mai N 01 xe đạp điện hiệu Asama, màu đỏ, trị giá 7.000.000 đồng và 01 áo mưa trị giá 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.010.000 đồng.

Chiếm đoạt của bị hại Trịnh Phương P 01 xe đạp điện hiệu Hitasa màu trắng – đen, trị giá 5.000.000 đồng và 01 áo mưa trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.050.000 đồng.

Chiếm đoạt của bị hại Phạm Minh D 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu xanh dương, trị giá 5.000.000 đồng, 01 nón bảo hiểm trị giá 150.000 đồng, 01 đôi giày bata

hiệu Thượng Đình, trị giá 80.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.230.000 đồng.

Chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Ngọc Q1 Hoa 01 xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, trị giá 6.360.000 đồng (xe mượn của Nguyễn Thị Thanh V4) và 01 nón bảo hiểm hiệu nón S, trị giá 225.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.585.000 đồng.

Ngoài 05 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại nêu trên ra, ngày 16/08/2023, Hồ Phát Đ còn cùng Nguyễn Hoài B trộm cắp 54 thẻ điện thoại của anh Lê Hồng V2 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.050.000 đồng, tại tiệm tạm hóa "A Vĩnh" ở ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Hồ Phát Đ chiếm đoạt của 06 bị hại là 29.925.000 đồng. Nguyễn Hoài B chiếm đoạt của 01 bị hại với giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.050.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt của bị hại là trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng. Bị cáo Đ có 04 tiền án về các tội liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng lại 06 lần thực hiện hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và bị cáo thừa nhận nguồn sống chính của bị cáo từ việc trộm cắp tài sản mà có nên có đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo có tiền án đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Hồ Phát Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hoài B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Đ có nhân thân xấu, bị cáo có 05 tiền án và đã nhiều lần bị xử phạt hành chính, bị kết án. Bị cáo B mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" và "phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" (đối với bị hại Nguyễn Ngọc Q1 Hoa 14 tuổi 10 tháng) theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ đã bồi thường cho bị hại 1.000.000 đồng nên được hưởng thêm tình tiết "Bồi thường thiệt hại", "bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" (bị hại H6) theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B được hưởng thêm tình tiết "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Trong vụ trộm mà cả 02 bị cáo cùng thực hiện thì các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo Đ tham gia với vai trò là người rũ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo B là người giúp sức nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại: 01 (một) xe đạp điện hiệu Asama, màu vàng đen cho chị Hoàng Thị H1, chị H1 không có yêu cầu nào khác. Trả lại 01 (một) xe đạp điện hiệu Hitasa, màu vàng đen, có gắn rổ kim loại có nắp ở phía trước, cho Nguyễn Thị Thanh V4, chị V4 không có yêu cầu nào khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại 54 thẻ điện thoại, gồm: 35 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 20.000 đồng, 11 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng cho anh Lê Hồng V2, anh V2 không có yêu cầu nào khác.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Diệp Duy L5 yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ trả lại số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra mua xe đạp điện sau đó bị Công an thu hồi. Xét thấy, yêu cầu bồi thường này là phù hợp và bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

Bị hại Nguyễn Trần Mai N yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Xét thấy, yêu cầu bồi thường này là phù hợp và bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận các tài sản khác, bị hại N không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Trịnh Phương P yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của này là phù hợp và bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận các tài sản khác, bị hại P không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Bị hại Phạm Minh D yêu cầu bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là giá trị xe đạp điện bị Đ chiếm đoạt do tài sản không thu hồi được. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của này là phù hợp và bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường. Ghi nhận các tài sản khác, bị hại D không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng bị cáo Đ giao nộp để bảo đảm thi hành án.

Đối với số tiền 200.000 đồng mà bà V4 đã đưa cho bị cáo khi bị cáo trả lại xe cho bà V4 thì thấy rằng bà V4 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này và số tiền này bị cáo và bà V4 xác định là tiền bị cáo đã dùng để sữa xe của bà V4 nên có cơ sở để xác định số tiền này không phải là tiền bị cáo thu lợi bất chính mà có nên không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đen xanh, biển số 71C4-273.68 là phương tiện bị cáo Nguyễn Hoài B chở Hồ Phát Đ đi trộm cắp tài sản là tài sản của bà T (bà T mua của Cao Quốc V3 nhưng chưa sang tên) cho bị cáo Bảo m, bà T không biết bị cáo dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên giao trả xe cho bà T là phù hợp.

[8.1] Đối với Diệp Duy L5 khi mua xe do bị cáo Đ bán không biết xe do bị cáo Đ phạm tội mà có; Nguyễn Thành H5 là chủ tiệm G1 khi bị cáo Đ đến chơi game và bán xe mà bị cáo Đ trộm được tại quán game nhưng ông H5 không biết được các tài sản này do bị cáo Đ phạm tội mà có, việc mua bán của bị cáo Đ thì ông H5 cũng không biết và không có hưởng lợi từ việc bị cáo bán các tài sản này; Lê Thị Thùy T khi cho bị cáo B mượn xe không biết bị cáo B dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8.2] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ về 03 nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) đã mua xe đạp điện do bị cáo P1 bán để làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Hồ Phát Đ, Nguyễn Hoài B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hồ Phát Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2023.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bà Lê Thị Thùy T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đen xanh, biển số 71C4-273.68; số khung: RLHJA3823GY044420, số máy: JA38E0143324.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường cho Diệp Duy L5 số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường cho Nguyễn Trần Mai N số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Buộc bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường cho Trịnh Phương P số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Hồ Phát Đ bồi thường cho Phạm Minh D số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng bị cáo Đ giao nộp để bảo đảm thi hành án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo Hồ Phát Đ, Nguyễn Hoài B phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Phát Đ phải nộp 840.000 (tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. An Hội, xã Phú Hưng, TPBT (3b);
- UBND P. Phú Khương; xã Phú Hưng, TPBT (2b);
- Bị cáo, NTGTT (12b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (12b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình